

Giáo dục của Thực dân Pháp với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ giai đoạn 1862-1945

Ngô Thị Minh Hằng*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Mở đầu bài báo đã trình bày bức tranh tổng thể về các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ và chính sách giáo dục của Triều Nguyễn với các dân tộc thiểu số trước khi Thực dân Pháp xâm lược. Triều Nguyễn đã có nhiều chính sách phát triển giáo dục cho các dân tộc thiểu số ở vùng đất này. Tiếp theo, bài báo cũng trình bày quá trình xâm lược và áp đặt mô hình giáo dục mới của Thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ. Phần nội dung chính, tác giả trình bày chính sách giáo dục của Pháp nói chung và chính sách của Pháp đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ nói riêng thể hiện trong các văn bản, nghị định của chính quyền thực dân về mục tiêu, cách thức và các biện pháp thực hiện nền giáo dục mới của Pháp. Bài báo cũng đã phục dựng lại quá trình thực hiện các chính sách giáo dục của Pháp trên thực tế đối với các vùng dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc như việc mở các trường, lớp, quá trình tổ chức hoạt động của hệ thống trường, lớp và những kết quả đạt được ở các địa phương có đông các dân tộc thiểu số. Bài báo cũng đưa ra sự so sánh về những khác biệt về chính sách của Pháp đối với các dân tộc thiểu số khác nhau. Sau đó, tác giả đã đưa ra những nhận định, đánh giá về kết quả, hạn chế của chính sách giáo dục đối với các dân tộc thiểu số của thực dân Pháp ở Nam Kỳ giai đoạn từ năm 1862 đến năm 1945.

Từ khoá: Nam Kỳ, Chính sách giáo dục của Pháp, Dân tộc thiểu số

ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi đánh giá về chính sách thuộc địa của Thực dân Pháp nói chung và chính sách giáo dục của Pháp ở Nam Kỳ nói riêng, đã có nhiều nghiên cứu và đánh giá khác nhau. Đã có một thời kỳ, các đánh giá thường thiên về những mặt tiêu cực, hạn chế, chỉ thấy mặt thực dân, hạn chế của các chính sách giáo dục của Pháp mà chưa đánh giá một cách khách quan những hệ quả tích cực của những chính sách đó. Những hệ quả tích cực, mặc dù nằm ngoài ý muốn của Thực dân Pháp, nhưng nó đã góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, đào tạo nghề cho người dân Nam Kỳ. Với mong muốn có cái nhìn khách quan, khoa học về những hạn chế và tích cực của chính sách giáo dục của Pháp đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu để hoàn thành bài báo.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo là một đề tài về lịch sử giáo dục, giao thoa giữa nghiên cứu lịch sử và nghiên cứu giáo dục. Để thực hiện được mục đích nghiên cứu để ra, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như công tác khảo cứu tài liệu: Tiếp cận các nguồn tài liệu khác nhau, xử lý tài liệu, so sánh, đối chiếu và chọn lọc tư liệu đáng tin cậy để sử dụng trong bài báo. Tác giả sử

dụng phương pháp lịch sử là đặt quá trình thực hiện giáo dục với các dân tộc thiểu số Nam Kỳ trong bối cảnh lịch sử của thời kỳ Pháp thuộc; sử dụng phương pháp logic để có cái nhìn xác thực, xuyên suốt, khách quan về quá trình thực thi chính sách giáo dục với các dân tộc thiểu số của Thực dân Pháp. Tác giả cũng căn cứ vào những kết quả cụ thể và những tác động tích cực của những kết quả đó đối với xã hội để rút ra những nhận xét, đánh giá khách quan về chính sách giáo dục của Pháp ở Nam Kỳ giai đoạn 1862 - 1945. Phạm vi nghiên cứu trong bài báo là các dân tộc thiểu số (so với người đa số là người Việt) và tập trung vào các dân tộc Hoa, Khmer, Chăm.

NỘI DUNG

Nam Kỳ là vùng đất mới, có nhiều cộng đồng dân cư đến sinh sống, ngoài người Việt chiếm đa số, còn có người Khmer, người Hoa, người Chăm, Xtiêng, Choro... Khi sinh sống trên vùng đất này, những dân tộc đã tạo nên các mối quan hệ gắn kết, giao lưu văn hóa trên nhiều lĩnh vực. Chính sự giao lưu này đã tạo nên những nét văn hoá rất riêng cho vùng đất Nam Kỳ. Trong những dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ, chiếm dân số đông nhất là người Khmer, người Hoa, người Chăm. Khi áp đặt ách thống trị ở Nam Kỳ, bên cạnh việc tiến hành áp đặt nền giáo dục cho người Việt, thực dân

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Liên hệ

Ngô Thị Minh Hằng, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: minhhang229@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 11/04/2020
- Ngày chấp nhận: 03/12/2020
- Ngày đăng: 20/12/2020

DOI: 10.32508/stdjssh.v4i4.605



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Hằng NT M. **Giáo dục của Thực dân Pháp với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ giai đoạn 1862-1945.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 4(4):585-595.

Pháp cũng tiến hành chính sách giáo dục đối với các dân tộc thiểu số ở đây nhằm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho bộ máy cai trị của chính quyền thuộc địa đối với các dân tộc thiểu số.

Sơ lược về cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ và giáo dục của Triều Nguyễn đối với các dân tộc thiểu số

Chính sách Triều Nguyễn đặt ra đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ là tôn trọng văn hoá tập tục của từng dân tộc, khuyến khích khai hoang, miễn hoặc giảm thuế cho vùng đất mới, trợ cấp công cụ khai hoang, thóc giống... nhằm phát triển sản xuất kinh tế và an ninh quốc phòng. Chính điều này đã tạo điều kiện cho các tộc người ở đây có cuộc sống ổn định, hoà nhập với văn hoá bản địa của người Việt.

Thời vua Minh Mạng đề cao quan điểm “*Nhất thị đồng nhân*” (xem mọi dân tộc cùng một lòng nhân) [1, tr.166], ông đã tiến hành nhiều biện pháp khéo léo, cụ thể với từng tộc người, với từng vùng dân tộc, đồng thời còn quan tâm đến giáo dục đối với các dân tộc thiểu số Nam Kỳ. Thông qua giáo dục, chính quyền vừa dạy chữ cho họ vừa truyền bá văn hoá của dân tộc Việt, bên cạnh đó là không can thiệp, không áp đặt để tránh những va chạm văn hoá, dẫn đến mâu thuẫn giữa chính quyền phong kiến với nhân dân các dân tộc.

Người Khmer di cư vào Nam Bộ từ thế kỷ XI, XII, đặc biệt là vào thế kỷ XIII, XIV do biến động và sức ép về kinh tế - xã hội và sự suy tàn của triều đại Ăngkor bởi sự xâm lược của Xiêm La. Những người di cư là những sư sãi, quan lại, dân thường, họ lập ra những phum, sóc, chùa chiền và định cư tập trung ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ và các huyện dọc biên giới ở Châu Đốc.

Giáo dục của cộng đồng dân tộc Khmer thời Triều Nguyễn là giáo dục trong chùa. Đối với người Khmer thì mọi sinh hoạt trong đời sống vật chất lẫn tinh thần của họ thường gắn liền với ngôi chùa. Ngôi chùa gắn bó với mỗi người dân Khmer gần như suốt cuộc đời, từ lúc sinh ra, trưởng thành cho đến khi mất đi. Chùa Khmer có vai trò như một trường học, đây là nơi thanh niên Khmer thụ hưởng giáo dục. Chùa thường mở các lớp dạy chữ Sanskrit, chữ Paly, chữ Khmer nhằm bảo tồn tiếng nói và chữ viết Khmer trong cộng đồng dân tộc mình; để đọc và học Kinh Tạng, Kinh cầu siêu. Đối với người Khmer, tất cả việc dạy dỗ, dạy chữ, rèn luyện, bồi dưỡng kiến thức và hình thành nhân cách đạo đức kể cả học làm người, học một số nghề cần thiết cho cuộc sống gia đình... đều phải vào chùa để học, hay còn gọi là học tu. Như vậy chùa là trường học đầu đời của người Khmer. Các nhà sư là

người thầy đầu tiên, người học chủ yếu là con em Phật tử người Khmer. Nhà chùa luôn giáo dục thanh niên xây dựng một nếp sống hiền thiện, đạo đức theo tinh thần Phật giáo, thực hành nếp sống tập thể, biết thích nghi với đời sống xã hội, góp phần xây dựng xã hội an lạc.

Chính quyền Triều Nguyễn đã có nhiều chính sách quản lý, phát triển giáo dục cho đồng bào Khmer vùng đất Nam Kỳ. Vua Minh Mạng bước đầu thiết lập hệ thống giáo dục Nho giáo thay cho hệ thống giáo dục trong các chùa chiền. Vua Minh Mạng không khuyến khích người Kinh học tiếng Khmer mà khuyến khích người Khmer học tiếng Kinh phần nào làm hạn chế một trong những chức năng truyền thống của ngôi chùa Phật giáo Khmer là giáo dục. Năm 1840, vua Minh Mạng đặt chức Tổng giáo ở vùng cư trú của người Khmer để phát triển việc dạy và học của người Khmer. Mặc dù triều Nguyễn có nhiều chính sách cải thiện giáo dục và thu hút người Khmer theo giáo dục Nho giáo nhưng nhiều người vẫn chọn mô hình giáo dục trong chùa, vì học trong chùa họ không chỉ được trao truyền kiến thức mà còn được giáo dục đời sống tâm linh – một truyền thống, văn hóa đã có từ lâu đời. Giữa thế kỷ XVII, nhà Minh sụp đổ, một số quan lại, binh sĩ, cư dân người Hoa không chịu tuân phục nhà Thanh đã xin chúa Nguyễn cho sinh sống tại vùng đất Nam Bộ. Bốn vị tướng của nhà Minh là Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình, Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiến đem theo 3000 di thần, binh sĩ đến cửa Tư Dung xin nội thuộc chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Phúc Tần đã thương thuyết với vua Chân Lạp là Nặc Ông Nộn cho nhóm người này được đến khai phá vùng Cù Lao Phố và Mỹ Tho. Các “Minh hương” mở rộng dần ra các vùng đất phụ cận Sài Gòn lập nên nhiều làng mạc, phố xá. Một lực lượng người Hoa khác là Mạc Cửu cùng họ hàng chạy sang vùng đất Sài Mạt, phía Tây Chân Lạp xin cho trú ngụ. Năm 1708, Mạc Cửu xin nhập đất Hà Tiên vào đất Chúa Nguyễn, được chúa Nguyễn phong cho Tổng binh trấn Hà Tiên. Mạc Cửu qua đời, con là Mạc Thiên Tứ được phong là đô đốc và mở rộng đất đến Rạch Giá, Cà Mau và Cần Thơ ngày nay. Dưới sự quản lý của chúa Nguyễn, việc sáp nhập các vùng đất do người Hoa khai phá đã khiến cho Nam Bộ trở thành vùng đất thuộc Đàng Trong. Các nhóm di dân người Hoa đến xin nhập cư và thần phục Chúa Nguyễn ở các thời điểm khác nhau nhưng thái độ của các chúa Nguyễn với người Hoa luôn có sự cởi mở, cố gắng tạo điều kiện cho người Hoa nhanh chóng hòa nhập vào cộng đồng người Việt [2, tr.72]. Người Hoa sống nhiều ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn, Hà Tiên, Đồng Nai...

Giáo dục Nho giáo của người Hoa được chính quyền Triều Nguyễn tạo điều kiện phát triển. Đến lập nghiệp

ở Nam Kỳ, cộng đồng người Hoa bắt đầu quan tâm đến vấn đề giáo dục sau khi họ đã ổn định được chỗ ở và việc làm. Hoạt động giáo dục đầu tiên là dạy nói và viết cho con em mình. Khi trường học chưa được xây dựng, việc dạy và học của người Hoa được tiến hành theo hình thức quy tụ những người biết chữ trong làng và tìm một địa điểm để dạy và học.

Khi người Hoa có sự phát triển mạnh về kinh tế, họ chú trọng đến việc xây dựng các cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục trong cộng đồng. Các trường học của người Hoa dần dần được xây dựng. Hoạt động giáo dục của người Hoa phát triển và do tính chất tự quản cao nên triều đình nhà Nguyễn ít quan tâm đến văn hoá giáo dục của người Hoa. Nhà Nguyễn cho phép họ tự do thành lập trường học, tự chuẩn bị giáo trình giảng dạy. Các trường học người Hoa chủ yếu dạy chương trình sơ, trung tiếng Hoa. Ngôn ngữ được giảng dạy là tiếng Quan Thoại (tiếng phổ thông Trung Quốc). Giáo viên đa số là thầy giáo người Hoa được mời từ Sài Gòn. Giáo trình phần lớn được dùng có nguồn gốc từ Trung Quốc và Đài Loan. Bằng tốt nghiệp tiểu học, ngoài con dấu của trường còn có con dấu của Đại sứ quán Trung Hoa Dân Quốc. Chương trình học cũng có nhiều môn, ngoài các môn tự nhiên, thì các môn xã hội như lịch sử, địa lý, văn học, đều học về đất nước Trung Hoa.

Người Chăm là cư dân của vương quốc Chiêm Thành ở vùng Nam trung Bộ Việt Nam. Khi các chúa Nguyễn sáp nhập vùng đất Phan Rang, Phan Rí vào Đàng Trong, cả Hoàng tộc và dân chúng người Chăm đã bỏ chạy vào Nam Kỳ và sang Campuchia. Đến năm 1940, Vua Thiệu trị ban lệnh chiêu an, người Chăm mới quay về và sống ở Nam Kỳ, họ sống chủ yếu ở vùng Sài Gòn, Đồng Nai, An Giang, Châu Đốc... Ngôn ngữ chính thuộc hệ Mã Lai – Đa Đảo. Hầu hết người Chăm theo đạo Hồi và đạo Bà La Môn, theo chế độ mẫu hệ.

Triều Nguyễn có nhiều chính sách phát triển giáo dục đối với người Chăm. Vào tháng 7 năm 1836, vua Minh Mạng sai quan tỉnh Bình Thuận chọn những con em kẻ sĩ và nhân dân tư chất sáng cho đi học tập chữ và tiếng nói người Chăm [3, tr. 438]. Có thể thấy triều đình nhà Nguyễn rất quan tâm đến di sản văn hoá giáo dục của người Chăm. Triều Nguyễn cho xây dựng trường học cho người Chăm ở Nam trung bộ và Nam bộ, hàng tháng cấp lương cho thầy giáo. Minh Mạng cũng đặt chức Tổng giáo ở Bình Thuận và những nơi có người Chăm sống và muốn đi học. Điều này cho thấy ông muốn từng bước đào tạo quan lại người Chăm theo đường lối Nho giáo, dạy con em người Chăm biết đọc tiếng Việt và biết chữ Hán. Năm 1838, Vua Minh Mạng ra chỉ dụ: “*cho phép mỗi tổng của người Chăm đặt một Tổng giáo, dạy bảo con*

em người Chăm lễ nghĩa, lễ phép và tiếng Kinh... Đợi phong hoá văn học dần phần chấn lên, có nền đặt giáo dục, Huấn đạo sẽ định sau” [4, tập 8, tr. 28,29]. Giáo dục của người Chăm đã có những thay đổi và hoà hợp với văn hoá của dân tộc Việt.

Giáo dục của Thực dân Pháp với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ

Năm 1859, Thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ. Sau khi các điểm phòng ngự bị thất thủ, ngày 5/6/1862, triều đình Huế đã kí Hiệp ước Nhâm Tuất, nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa). Tiếp theo, lợi dụng sự nhu nhược của triều đình Huế, từ 20 đến 24 tháng 6 năm 1867, Pháp đã tiếp tục chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên). Từ đây, sau khi xâm lược nước ta về quân sự, thực dân Pháp từng bước thiết lập bộ máy cai trị, thực hiện các chính sách thuộc địa trên các lĩnh vực chính trị - xã hội, văn hóa – giáo dục.

Để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực, Pháp tiến hành áp đặt mô hình giáo dục mới, mở trường học, trường dạy nghề với nhiều ngành, nghề khác nhau và áp dụng. Mục đích của Thực dân Pháp là muốn cắt đứt sự ảnh hưởng của văn hoá Hán, tăng cường ảnh hưởng của văn hoá Pháp ở Việt Nam, đồng thời đào tạo đội ngũ viên chức, công nhân chuyên nghiệp, thợ lành nghề phục vụ cho yêu cầu khai thác thuộc địa của Pháp.

Thực dân Pháp thay đổi hệ thống giáo dục ở Nam Kỳ

Giới đoạn đan xen giáo dục Nho giáo và giáo dục Pháp (1861 – 1917)

- Giáo dục Nam Kỳ giai đoạn từ năm 1862 đến năm 1886

Để đạt mục đích áp đặt việc thống trị nhân dân Nam Kỳ, thực dân pháp đã nhanh chóng thực hiện nhiều chính sách, trong đó có chính sách về đào tạo nguồn nhân lực. Rào cản về ngôn ngữ là một rào cản lớn vì vậy Pháp khó có thể áp đặt ngay nền giáo dục của mình vào Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng. Năm 1862, Pháp cho mở một trường đào tạo thông ngôn ở Nam Kỳ^a [5, tr. 22], đánh dấu mốc mở đầu cho quá trình áp đặt nền giáo dục của Pháp vào Nam Kỳ Việt Nam. Năm 1867, Thực dân Pháp đã bỏ thi

^aTrường Thông ngôn An Nam (còn gọi là trường Bá Đa Lộc), được thành lập theo Quyết định số 89 ngày 8 tháng 5 năm 1862 của Chuẩn Đô đốc kiêm phụ trách cai quản Nam Kỳ. Chức Hiệu trưởng được giao cho thầy Croc với sự hỗ trợ của ông Thu, giám mục người An Nam.

theo lối Nho học và chính thức tổ chức thi theo chế độ chính quy. Những trường thông ngôn, tham biện được mở ra, để đào tạo người làm việc cho Pháp. Các trường học phổ thông theo chương trình Pháp do chính quyền thực dân hay các tôn giáo mở ra ngày một nhiều, đã thay đổi hẳn diện mạo giáo dục của Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng. Chính sách và hệ thống giáo dục được Pháp áp đặt ở Nam Kỳ tạo ra quá trình chuyển đổi từ giáo dục Nho giáo sang giáo dục Âu – Pháp.

Ngày 17 tháng 11 năm 1874, Quyển Thống đốc Nam Kỳ đã ban hành Quy chế cho các ngành học chính tại Nam Kỳ và Chương trình giáo dục công, đây là bản quy chế giáo dục đầu tiên của thực dân Pháp ở Nam Kỳ. Quy chế chia giáo dục ra hai bậc tiểu học và trung học: Trường tiểu học được mở tập trung ở 6 nơi: Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bến Tre, Sóc Trăng. Nội dung học gồm có các môn: học đọc, học viết chữ quốc ngữ, chữ Nho, chữ Pháp, số học. Kỳ thi tốt nghiệp tiểu học gồm có thi viết và thi vấn đáp. Trường trung học chỉ mở ở Sài Gòn, dạy 3 ban với các môn: tiếng Pháp, chữ quốc ngữ, toán, địa lý, lịch sử (lịch sử Pháp, không dạy lịch sử Việt Nam) [5, tr. 37-39].

Ngày 17 tháng 3 -1879, Lafont ký quyết định ban hành Quy chế mới do Quy chế 1874 tỏ ra kém hiệu quả. Theo quy chế này, hệ thống giáo dục được chia làm ba cấp, gồm Trường hàng tổng (cấp I), trường hàng quận (cấp II), trường tỉnh, trường trung học (cấp III). Mỗi huyện có một trường cấp một, ở mỗi tỉnh có 6 trường cấp 2 và trung học Chasseloup Laubat ở Sài Gòn. Đến năm 1880, chính quyền mở thêm trường trung học ở Mỹ Tho, một trường ở Chợ Lớn cho Hoa kiều và một trường tiểu học cho cả nam lẫn nữ [5, tr. 42].

Như vậy, trong giai đoạn đầu tổ chức giáo dục Nam Kỳ, người Pháp đã tập trung vào mục tiêu là đào tạo thông dịch viên và viên chức phục vụ bộ máy chính quyền thực dân và bước đầu áp đặt nền giáo dục mới từ châu Âu vào Nam Kỳ.

- Giáo dục Nam Kỳ giai đoạn từ năm 1886 đến năm 1916

Từ năm 1886, Toàn quyền Paul Bert đã tiến hành thay đổi giáo dục của Pháp ở Việt Nam bằng cách vừa mở rộng trường lớp, vừa cải tổ dần để tiến tới thủ tiêu hẳn giáo dục phong kiến. Năm 1906, P. Beau đưa ra kế hoạch cải cách giáo dục ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ thông qua các nghị định ngày 8 tháng 3 và ngày 6 tháng 5 năm 1906, [6, tr. 198]. Có thể xem đây là cuộc *Cải cách giáo dục lần thứ Nhất của Pháp tại Việt Nam*. Chương trình cải cách giáo dục khá toàn diện, mà theo cải cách này, hệ thống giáo dục và chế độ khoa cử Nam Kỳ được thay đổi như sau:

+ Tổ chức hệ thống các cấp học, lớp học

Đối với hệ thống trường Pháp – Việt, được chia làm hai bậc tiểu học và trung học. Bậc tiểu học học trong 4 năm, qua các lớp tư, ba, nhì và lớp nhất, được dạy chủ yếu bằng tiếng Pháp, các môn dạy bằng chữ Hán và chữ Quốc ngữ rất ít; Bậc trung học chia làm hai cấp Trung học đệ nhất cấp và trung học đệ nhị cấp, trong đó trung học đệ nhất cấp, học sinh chỉ học một năm được chia làm 2 ban: Ban Văn học và Ban khoa học.

Đối với hệ thống trường chữ Hán: hệ thống trường học được chia làm 3 cấp Ấu học, Tiểu học và Trung học. Bậc Ấu học có 3 loại trường: Trường một năm hay dưới một năm mở ở các vùng xa xôi, hẻo lánh chỉ dạy bằng chữ quốc ngữ; loại trường hai năm dạy bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán; loại trường ba năm dạy bằng ba thứ chữ quốc ngữ, chữ Pháp, và chữ Hán. Ở hai loại trường hai năm và ba năm, chữ Hán có thể không bắt buộc nhưng chữ Pháp thì bắt buộc. Sau khi học xong bậc Ấu học, học sinh phải trải qua một kì thi gọi là hạch tuyển, nếu đậu được cấp bằng “tuyển sinh”. Ở bậc tiểu học, trường được mở ở các phủ, huyện có thời gian học là hai năm, dạy bằng ba thứ tiếng, trong đó chữ quốc ngữ chiếm nhiều giờ nhất. Kết thúc chương trình, học sinh qua một kì thi (hạch khóa) để lấy bằng khóa sinh. Quản lí và giảng dạy ở trường tiểu học là do các giáo thụ và huấn đạo. Ở bậc trung học, trường được mở ở các tỉnh lỵ do các quan đốc học phụ trách. Chương trình học vẫn được dạy bằng ba thứ chữ Pháp, Hán, quốc ngữ, trong đó chữ quốc ngữ chiếm thời gian dạy nhiều nhất. Học sinh được cấp học bổng, kết thúc bậc học, học sinh trải qua một kì thi (thí sinh hạch), nếu đậu sẽ được cấp bằng Thí sinh và được miễn sưu, dịch một năm, đồng thời được tham gia thi hương.

Chương trình giáo dục giai đoạn này không ổn định và thống nhất do có nhiều loại trường trong một hệ thống giáo dục, tiến hành cải cách một cách chắp vá.

Giai đoạn chuyển đổi sang mô hình giáo dục Pháp 1917 – 1945

Với kinh nghiệm cai trị và tổ chức nền giáo dục tại Việt Nam đã hàng chục năm cùng những kết quả giáo dục đã đạt được về mạng lưới trường, lớp, nội dung, phương pháp dạy học, thực dân Pháp đã chuyển đổi nền giáo dục ở Nam Kỳ theo hình mẫu giáo dục Âu – Pháp. Năm 1918, kỳ thi hương cuối cùng theo giáo dục Nho giáo đã được bãi bỏ. Nền giáo dục ở Nam Kỳ được Pháp đã tổ chức lại và vận hành theo lộ trình mới, thể hiện sự thắng thế của giáo dục Âu – Pháp tại Nam Kỳ.

- Giai đoạn từ 1917 đến năm 1923

Tháng 12 năm 1917, A. Sarraut cho ban hành bộ Học chính Tổng quy, thay đổi cơ bản hệ thống giáo dục ở

Nam Kỳ. Sự thay đổi này được coi như là cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai. Bộ Học chính tổng quy xác định giáo dục ở Việt Nam là dạy học phổ thông và thực nghiệp. Theo bộ Học chính Tổng quy này, hệ thống giáo dục Nam Kỳ được tổ chức lại như sau:

Hệ thống trường học chia làm hai loại: Trường Pháp dạy cho học sinh người Pháp theo chương trình “Chính quốc” và trường Pháp - Việt dạy cho người Việt theo chương trình “Bản xứ”. Giáo dục chia làm ba cấp: *Đệ nhất cấp* (Tiểu học), *Đệ nhị cấp* (Trung học), *Đệ tam cấp* (Cao đẳng và đại học). Ngoài ra còn có các trường dạy nghề (trường thực nghiệp) tương ứng với các bậc tiểu học và trung học.

- *Đệ nhất cấp*, các trường tiểu học được tổ chức ở các xã, nếu xã nhỏ thì có thể tổ chức một trường tiểu học cho hai, ba xã. Có hai loại trường tiểu học: *Trường tiểu học bị thế* (eclé primaire de pleinexerices); *Trường sơ đẳng tiểu học* (éclé élémentaire), loại trường này có thể áp dụng cho các vùng dân tộc thiểu số.

- *Đệ nhị cấp*: Bậc trung học chia làm hai cấp: Cao đẳng tiểu học và Trung học. *Cao đẳng tiểu học*, học sinh học trong 4 năm, tốt nghiệp học sinh thi lấy bằng cao đẳng tiểu học (còn gọi là bằng đíp lôm hay thành chung). *Bậc trung học*, học sinh học 2 năm, sau đó thi lấy bằng tú tài, nhưng chỉ là tú tài bản xứ.

- *Hệ thực nghiệp* ở trường tiểu học thực nghiệp có các trường nghề như rèn, mộc, nề, trường gia chánh, trường canh nông, trường mỹ thuật công nghiệp và mỹ nghệ. Ở các trường trung học thực nghiệp, dạy các ngành nghề khá hoàn chỉnh chứ không dạy sơ lược như cấp dưới.

- *Đệ tam cấp*: Ở Nam Kỳ giai đoạn này không có các trường đại học mà chỉ có các trường dạy nghề như: Trường nông nghiệp Bến Cát; Trường canh nông Nam Kỳ; Trường Mỹ nghệ bản xứ ở Thủ Dầu Một dạy các nghề thêu, khâu và vẽ; Trường Biên Hòa dạy các nghề trang sức, đồ gỗ và nghề sắt; Trường Sa Đéc dạy các nghề làm mật hàng từ đôi mối; ở Cần Thơ có trường dạy thêu...v.v... Điểm nổi bật của loại trường này là việc đào tạo gắn với thực nghiệp, chú trọng thực hành để học sinh sau khi học xong có thể làm việc thành tạo tại các cơ sở sản xuất.

- *Giai đoạn từ năm 1923 đến năm 1945*

Năm 1923, Toàn quyền Đông Dương Merlin đã có một số quy định mới thay đổi về giáo dục như ở bậc tiểu học, sau khi học xong 3 năm bậc sơ đẳng học sinh phải thi sơ học yếu lược thì mới được tiếp tục học lên lớp trên. Năm 1927, mở thêm lớp nhì đệ nhất làm lớp chuyển tiếp giữa lớp sơ đẳng và lớp nhì đệ nhị; mở thêm lớp “bổ trợ dự bị” cho các làng chưa có điều kiện mở trường. Chương trình của loại trường này từ 1 đến 3 năm nên đơn giản và linh hoạt để áp dụng vào đời sống. Học sinh dù chỉ học một năm cũng có thể

làm được bốn phép tính và đọc thông viết thạo. Nội dung chương trình bao gồm thường thức về giữ gìn vệ sinh, phòng các bệnh thông thường, những hiểu biết đơn giản về nghề nông, nghề thủ công. Một số nội dung được chú trọng như về luân lý, bốn phận đối với ông bà, cha mẹ và việc thờ cúng tổ tiên...

Hệ thống giáo dục đến lúc này, được tổ chức lại như sau:

- *Bậc tiểu học* có Trường sơ đẳng yếu lược bản xứ gồm các lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, có khi chỉ có một hai lớp sơ đẳng, còn được gọi là trường hương học vì thường được đặt ở các làng, ngân sách do các làng đóng góp. Trường tiểu học thì có 3 lớp Nhì đệ nhất, Nhì đệ nhị và lớp Nhất, có khi chỉ có 2 lớp trên bậc tiểu học, được đặt ở các phủ huyện hoặc tỉnh lỵ. Học sinh sau khi đậu kì thi Sơ học yếu lược được nhận bằng tiểu học Pháp - Việt.

- *Bậc trung học* có hai ban Cao đẳng Tiểu học và Tú tài: Cao đẳng tiểu học gồm các lớp nhất niên, nhì niên, tam niên, tứ niên. Tú tài có thời gian học là 3 năm, có các lớp Đệ nhất niên, Đệ nhị niên, Đệ tam niên. Chương trình tú tài ngay từ đệ nhất niên đã có sự phân ban thành Ban Khoa học và Ban Toán và Ban Triết. Học sinh học xong đệ nhị niên có thể thi lấy bằng tú tài bán phần. Phải có bằng tú tài bán phần thì mới được thi lấy bằng tú tài toàn phần. Cơ cấu hệ thống giáo dục và chế độ vận hành của giáo dục Nam Kỳ theo sửa đổi của Merlin về cơ bản được vận hành cho đến năm 1945.

Giáo dục của Pháp đối với dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ

Đi đôi với việt củng cố và mở rộng giáo dục Pháp - Việt ở đô thị và đồng bằng, Thực dân Pháp cũng chú ý đến tổ chức giáo dục vùng đồng bào thiểu số ở Nam Kỳ, như ở các tỉnh, thành Cần Thơ, Bạc Liêu, Châu Đốc, Sài Gòn.... những khu vực có người Khmer, người Hoa, người Chăm sinh sống.

Do ít quan tâm đến giáo dục cho các dân tộc thiểu số nên trong thực tế, Thực dân Pháp không có nhiều văn bản thể hiện chính sách đối với các dân tộc thiểu số, mà các chính sách đó thể hiện ở trong các văn bản của giáo dục nói chung như các văn bản Quy chế cho ngành học chính tại Nam Kỳ (17 - 11- 1874) của Quyển Thống đốc Nam Kỳ, Cách cách giáo dục của Paul Beau (1906), Học chế Tổng quy năm 1917 của Toàn quyền Albert Sarraut, và các văn bản quyết định của chính quyền thuộc địa.

Dân số của một số dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ năm 1887 như sau: Người Khmer có 111.529 người, người Hoa có 43.524 người và người Chăm có 4.723 người. Trong đó người Khmer tập trung đông ở các tỉnh

Trà Vinh, Sóc Trăng, Châu Đốc; người Hoa tập trung đông nhất ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Sóc Trăng, Trà Vinh; người Chăm tập trung đông nhất ở Châu Đốc, Tây Ninh [7, tr. 194, 195]. Đến năm 1931, dân số người Khmer và người dân tộc thiểu số đã tăng lên như sau: “Người Campuchia (Khmer) ở Nam Kỳ (khoảng 312.000), trải khắp bảy tỉnh miền Tây (Bạc Liêu, Cần Thơ, Châu Đốc, Rạch Giá, Sóc Trăng, Tây Ninh và Trà Vinh; người Mọi (khoảng 600.000, trong đó 1/5 ở Đông – Bắc Nam Kỳ và 4/5 ở vùng đất đỏ An Nam)” [8, tr. 5].

Giáo dục của Pháp đối với dân tộc Khmer: Giáo dục Khmer trước khi Pháp áp đặt chế độ giáo dục là Phật giáo truyền thống và có ảnh hưởng giáo dục Nho giáo. Nền giáo dục Phật giáo, Nho giáo chủ yếu thiên về giáo dục đạo đức, về giáo lý, dạy tu nhân tích đức, làm điều thiện, không đề cập đến nội dung về khoa học tự nhiên. Khi mới xâm chiếm Nam Kỳ, người Pháp vẫn giữ nguyên trường học Phật giáo ở chùa do các nhà sư giảng dạy, không can thiệp đến những tư tưởng trong giáo dục truyền thống của người Khmer.

Năm 1889, Pháp tổ chức các trường học cho các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc và ở Nam Kỳ. Nhìn chung, những trường học cho dân tộc thiểu số do Pháp tổ chức chưa có những quy chế cụ thể mà phụ thuộc vào điều kiện từng địa phương, hay tùy theo các sĩ quan chỉ huy các đạo quân binh, các tiểu khu quân sự mà có cách thức quản lý và tổ chức khác nhau. Thầy giáo thường là các sĩ quan thông ngôn trong quân đội Pháp, một số người Pháp biết tiếng Việt. Chương trình các trường không đồng nhất, thường tổ chức theo chương trình, sách giáo khoa các trường hàng xã, hàng tổng ở Nam Kỳ được giản lược. Mục đích chính vẫn là dạy cho học sinh biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ, một ít tiếng Pháp làm cơ sở cho học sinh học các trường lớp sau.

Cách tổ chức trường lớp tuy còn tùy tiện và chưa thống nhất, nhưng đã có sự khác biệt so với các trường chùa. Các trường Pháp – Việt này đã tổ chức và giáo dục bằng những phương pháp mới. Học sinh học ở trường, chứ không phải học ở chùa hay ở nhà như trước. Mỗi tuần học sinh học 5 ngày, ngày thứ 5 đi thăm các di tích lịch sử hoặc các thắng cảnh, chủ nhật được nghỉ.

Chính sách giáo dục của Pháp đối với các dân tộc thiểu số từ thế kỷ XX đến năm 1945 đã có sự thay đổi. Đến cuộc cải cách giáo dục lần thứ 2 (1917) thì Pháp đã thay đổi giáo dục của người Khmer. Thực dân Pháp vẫn duy trì trường học nhà chùa nhưng chia ra làm 2 bậc: Sơ học, học trong 3 năm qua các lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, cuối bậc học sinh được đi thi lấy bằng sơ học. Bậc Tiểu học học 3 năm gồm lớp nhì đệ

nhất, nhì đệ nhị lớp nhất và có kỳ thi tốt nghiệp tiểu học [9, tr. 131].

Tuy nhiên nhà chùa chỉ đáp ứng việc dạy hết bậc sơ học, lên bậc tiểu học, học sinh phải học theo chương trình như các trường Pháp – Việt. Ở bậc sơ học, tiếng Khmer là ngôn ngữ chính, còn tiếng Việt và tiếng Pháp coi như tự chọn. Chương trình học trong trường Khmer, ngoài giáo lý nhà Phật, chương trình còn có toán, cách trí, địa dư, sử ký... Những sách dạy các môn này do Nha học chính Nam Kỳ chỉ đạo biên soạn [9, tr.131-132]. Như vậy, về cơ bản Pháp đã áp đặt nền giáo dục Pháp – Việt cho người Khmer, nhưng vẫn duy trì song song với trường học nhà Chùa nhằm đào tạo một bộ phận người Khmer phục vụ cho dịch thuật và chính sách chia rẽ dân tộc của Pháp.

Việc đào tạo giáo viên cho các trường học trong nhà chùa cũng được Pháp tiến hành bằng nhiều biện pháp khá linh hoạt. Pháp đã cho giáo viên đi bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ. Năm 1928, Pháp đã cử 23 nhà sư đến trường Vat – Langka ở Phnôm Pênh để học phương pháp sư phạm và nội dung một số môn mới như toán cách trí, vệ sinh... Sau một năm học, họ đã có chứng chỉ tốt nghiệp và trở thành những nhà sư – thầy giáo, trở về giảng dạy trong các trường – nhà chùa. Năm 1929 nhiều nhà sư tỉnh Châu Đốc đã được gửi sang học ở trường Tukvil (tỉnh Kam -pot) và một năm sau họ trở về dạy ở các trường địa phương. Đi đôi với việc đào tạo chính quy, Pháp các mở tại chỗ những lớp sư phạm cho các nhà sư trẻ do một số thầy giáo từ Campuchia sang giảng dạy... [9, tr.132]. Các trường học – nhà chùa sẽ giảng dạy hai chương trình song song: chương trình theo Pháp – Việt và chương trình Phật giáo. Thường cứ 2 chùa sẽ có 1 nhà sư và một thầy giáo luân phiên giảng dạy theo chuyên môn của mình. Nhà sư giảng về giáo lý Phật, chữ viết, Phật pháp, còn thầy giáo thì dạy những môn mới như tiếng Pháp, toán, vệ sinh... Tất cả các trường này đều được chính quyền Pháp cung cấp sách vở, phấn, bảng, đồ dùng dạy học... và hỗ trợ về cơ sở vật chất.

Ngoài trường học nhà chùa, học sinh người Khmer có thể đăng ký theo học các trường công dạy từ lớp đồng ấu đến lớp nhất ở các trường Pháp – Việt. Tuy nhiên, ở các trường này không dạy giáo lý Phật giáo nên không có các thầy giáo là nhà sư, chỉ có thầy giáo dạy học các môn khoa học. Loại trường này được gọi là trường Franco – Combodgienme. Thực dân Pháp còn xây dựng các trường nội trú cho học sinh thiểu số. Toàn bộ Nam Kỳ có 3 trường cho học sinh dân tộc thiểu số là Trường Hồn Quán ở Thủ Dầu Một, Trường Vô Dật và Trường Phú Riêng ở Biên Hoà.

Mặc dù Pháp đã tổ chức các loại trường Pháp – Việt và trường nhà chùa, có cả trường nội trú cho học sinh, nhưng số lượng học sinh người Khmer còn ít. Từ năm

học 1926 đến 1931, số học sinh người Khmer Nam Kỳ có tăng lên về số lượng: năm 1926 – 1927 có 282 học sinh, đến năm 1931, học sinh tăng lên là 6.227 người. Đặc biệt là từ năm 1933 đến 1945 số học sinh Khmer đi học ở Nam Kỳ tăng lên đáng kể, riêng năm học 1942 – 1943 có tới 10.850 học sinh, đây là một con số đáng kể của học sinh người Khmer ở Nam Kỳ giai đoạn này [9, tr. 133].

Giáo dục của Pháp đối với người Hoa: Người Hoa là một dân tộc thiểu số ở Việt Nam, nhưng đến từ một đất nước có nền văn hóa phát triển lâu đời, có khuynh hướng sống tập trung thành từng vùng, tự trị, nên họ rất quan tâm đến giáo dục và giữ gìn văn hóa trong cộng đồng. Trước khi Pháp xâm lược, người Hoa đã xây dựng được một hệ thống giáo dục Nho giáo rất hoàn thiện. Nhiều mạnh thường quân đã hiến đất và tiền để đầu tư xây dựng các trường học có uy tín và chất lượng.

Khi Pháp xâm lược Việt Nam, nền giáo dục của người Hoa cũng có nhiều biến chuyển từ giáo dục khoa cử Nho giáo bắt đầu chuyển sang giáo dục tây học. Pháp có rất nhiều chính sách ưu đãi với người Hoa, vì vậy hoạt động giáo dục trong cộng đồng người Hoa được thả lỏng, tự do phát triển. Các trường học của người Hoa tại Việt Nam đều áp dụng theo chế độ học tập như ở Trung Hoa Dân quốc, cả về thời gian học, môn học và chế độ học tập... Các môn học và chế độ học tập tuy về nguyên tắc vẫn theo quy định của Bộ Giáo dục Trung Hoa Dân quốc, nhưng cũng có một số trường học không hoàn toàn đúng như quy định.

Ngoài những trường tự chủ của người Hoa, chính quyền Pháp ở Nam Kỳ cũng mở thêm trường trung học ở Chợ Lớn cho học sinh Hoa kiều và Hoa kiều lai học tập theo chương trình Pháp. Trong đó có trường Pháp – Hoa được thành lập ở Nam Kỳ. Năm 1908, Hội ủy viên Trung - Pháp học hiệu ra đời, thành lập trường Pháp - Hoa (Lycee Franco-Chinois). Trường học Pháp - Hoa mỗi năm, ngoài tiền thu từ học phí ra, còn được Bộ Văn hóa Pháp hỗ trợ một trăm vạn franc và còn được trích 12,5% từ thuế của các hãng buôn người Hoa. Trường Pháp - Hoa học sinh học theo chế độ trung học cơ sở 5 năm, học sinh vừa học sách giáo khoa tiếng Pháp, vừa học sách giáo khoa tiếng Hoa. Giáo viên là người có quốc tịch Pháp và Trung Quốc, đa số là giáo viên có trình độ tốt, vì thế mà học sinh theo học ngày càng đông.

Ngoài trường Pháp - Hoa là trường trung học cơ sở ra, còn lại các trường đều là hệ tiểu học. Trong giai đoạn mới thành lập, chỉ có trường Pháp - Hoa thu học phí, các trường còn lại được các bang, hội hỗ trợ kinh phí hoạt động nên học sinh đều được học miễn học phí. Sau năm 1921, trường học của người Hoa tiếp tục được mở thêm ngày càng nhiều. Tính đến năm học

1936-1937, tại khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn có khoảng 168 trường học các cấp, với 405 giáo viên và 6.869 học sinh; năm học 1937- 1938 số trường học tăng lên 201 với 471 giáo viên và 12.128 học sinh [10, tr. 62].

Chính quyền Pháp không can thiệp đến việc mở trường cho nên các trường học người Hoa xuất hiện ngày càng nhiều. Ngày 14/05/1924, Toàn quyền Đông Dương ban hành “*Quy tắc cho các trường học tư thục Trung văn ở Nam Kỳ An Nam*”. Theo sắc lệnh này, ngoài những thể lệ chung, còn có 5 điều quy định bắt buộc tất cả các trường tư thục tại Đông Dương phải dạy bằng tiếng Pháp hay tiếng Việt, mỗi tuần phải dạy Pháp văn 4 giờ đồng hồ. Ngoài ra, sắc lệnh còn quy định người Hoa khi thành lập trường học tư thục phải xin phép chính quyền, khi có giấy cấp phép rồi mới được mở trường.

Ngày 13/08/1930, Pháp sửa lại sắc lệnh ngày 14/5/1924 và ban sắc lệnh mới cho phép các trường giảng dạy một phần bằng tiếng Hoa, Miến Điện hay Mã Lai, bên cạnh giảng dạy bằng tiếng Pháp hay tiếng Việt. Áp dụng sắc lệnh này, Phủ Toàn quyền cho phép mở thêm 2 loại trường nữa: Loại trường thứ nhất, là các trường tiểu học Trung Hoa, Miến Điện hay Mã Lai, các trường này bắt buộc phải có dạy tiếng Pháp, ít nhất 5 giờ một tuần. Loại trường thứ 2, là các trường sơ học Trung Hoa, Miến Điện hay Mã Lai, bắt buộc phải dạy hoặc tiếng Pháp, hoặc tiếng bản xứ, ít nhất 3 giờ một tuần.

Đến năm 1933, Thống đốc Nam Kỳ ban hành Nghị định ngày 7/7/1932 về “*Điều lệ giáo dục của người nước ngoài ở Nam Kỳ*” phân định chặt chẽ hơn về các lớp tiểu học và lớp vỡ lòng của các trường học ngoại kiều. Cả 2 loại lớp trên đều có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ để dạy học. Lớp vỡ lòng mỗi tuần phải dạy Pháp ngữ hoặc Việt ngữ 3 giờ đồng hồ; tiểu học mỗi tuần phải dạy Pháp ngữ 8 giờ đồng hồ. Việc dạy tiếng Việt do giáo viên tự sắp xếp, không áp đặt thời gian cụ thể. Nghị định này của Thống đốc Nam Kỳ cũng ấn định rằng Trường trung học Pháp - Hoa Chợ Lớn (Lycee Franco- Chinoise de Cholon) vẫn được theo quy chế riêng mà Giám đốc Học chánh Đông Dương đã duyệt [10, tr. 61].

Sau khi Nhật nhảy vào Việt Nam (1940), cùng với nhiều biến động thời cuộc trong nước, các trường học của người Hoa ở khu vực Nam Kỳ bị ảnh hưởng nặng nề. Nhiều trường phải di dời đến các địa điểm nhỏ hẹp khác để dạy học tạm thời, một số trường phải đóng cửa, tạm dừng việc dạy học. Khi Pháp trở lại xâm lược Việt Nam cuối năm 1945, đã tạo thuận lợi cho các trường học Hoa kiều. Đến đầu năm 1948, toàn khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn, người Hoa đã có tổng cộng 97 trường trung học và tiểu học, có 911 giáo viên với 25.226 học sinh [10, tr. 62].

Như vậy, hoạt động giáo dục của người Hoa ở Nam Kỳ khá phát triển. Các trường học đã được sự hỗ trợ lớn về vật chất cũng như những đóng góp khác của rất nhiều người Hoa giàu có, đồng thời được chính quyền thuộc địa Pháp tại Nam Kỳ tạo điều kiện. Hoạt động giáo dục của người Hoa ở Nam Kỳ có quy mô và theo một mô hình tổ chức bài bản. Việc phát triển giáo dục vừa giúp người Hoa bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc và góp phần phát triển văn hoá xã hội Nam Kỳ.

Đối với các dân tộc thiểu số khác ở miền Đông Nam Kỳ, Thực dân Pháp đã cho mở một số trường gần ở các vùng dân cư để tạo điều kiện cho học sinh dân tộc được đi học. Nếu ở những nơi không có trường thì chính quyền tạo điều kiện cho học sinh vào học các trường Việt - Pháp với các học sinh các dân tộc khác. Toàn quyền Đông Dương ngày 11- 07 - 1938 đã ban hành Nghị định về việc tái lập bằng sơ học cho các trẻ em dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ. Nghị định gồm 2 điều với nội dung chính là: Tái lập bằng sơ học cho trẻ em dân tộc thiểu số (Cao miên, Chăm, Mọi...) tại Nam Kỳ. Chương trình và thể thức thi được quy định tại Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ và trình Toàn quyền Đông Dương phê duyệt sau khi có ý kiến của Giám đốc Nha Học chính [5, tr. 1208].

Theo thống kê từ tài liệu tại Triển lãm thuộc địa quốc tế Paris, 1931 thì các trường và số học sinh dân tộc tại miền Đông Nam Kỳ (Bảng 1).

Thông qua Bảng 1, cho thấy được những trường học được Pháp xây dựng cho học sinh thiểu số và số học sinh đi học qua các năm. Cụ thể, năm 1929, số học sinh thiểu số đi học tại trường Hớn Quản ở Thủ Dầu Một là 40 người, đến năm 1930 là 39 người. Ở trường nội trú Vô Dật ở Biên Hoà, năm 1920 là 49 người, năm 1930 là 45 người. Tại trường nội trú Phú Riềng, Biên Hoà năm 1929 số người đi học là 29 người, đến năm 1930 là 28 người. Chưa kể hai trường nội trú ở Biên Hòa sắp khai trương. Tuy số lượng trường học và học sinh thiểu số đi học không nhiều, nhưng việc xây dựng các trường học cho thấy Pháp đã quan tâm đầu tư của cho giáo dục của dân tộc thiểu số Nam Kỳ. Tóm lại, khi Pháp thống trị được Nam Kỳ, Thực dân Pháp đã có nhiều chính sách thay đổi hệ thống giáo dục, trong đó có các dân tộc thiểu số như: Khmer, Hoa, Chăm... Về đặc điểm chung của chính sách giáo dục Pháp đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ đó là: giáo dục Pháp - Việt chỉ nhằm mục đích đào tạo cho dân tộc thiểu số biết đọc viết một cách cơ bản, nhằm lợi dụng để phục vụ cho chính quyền Pháp. Ngoài ra, còn nhằm để bề thao túng và quản lý các dân tộc thiểu số, lợi dụng lịch sử và văn hoá riêng của các dân tộc để nhằm chia rẽ và phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bên cạnh những chính sách giáo dục chung đối với các dân tộc thiểu số, thực dân Pháp cũng có

một số chính sách giáo dục riêng đối với từng dân tộc. Đối với người Khmer, Pháp vẫn giữ nguyên nền giáo dục Phật giáo song song với nền giáo dục Pháp - Việt. Pháp đã lợi dụng nền giáo dục Phật giáo của người Khmer nhằm đạt được mục đích tuyên truyền văn hoá Pháp vào trong chùa cũng như đào tạo tay sai phục vụ cho chính quyền thực dân. Còn đối với dân tộc Hoa, giáo dục của họ ảnh hưởng rõ nét của Nho giáo, thực dân Pháp đã lợi dụng yếu tố lịch sử và văn hoá của người Hoa và Việt để nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa hai tộc người. Thực dân Pháp đã đưa ra nhiều chính sách ưu ái hơn đối với người Hoa như: cho người Hoa tự quản về giáo dục, thành lập các trường Pháp - Hoa tồn tại song song với trường Pháp - Việt, tạo điều kiện cho người Hoa phát triển và độc quyền về kinh tế ở Chợ Lớn, nhằm thực hiện âm mưu chia rẽ dân tộc và thao túng về kinh tế ở Nam Kỳ.

Như vậy, việc thực dân Pháp áp đặt những chính sách nhằm thay đổi hệ thống giáo dục của các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ có những điểm chung và riêng khác nhau tùy vào đặc thù về văn hoá - lịch sử của các dân tộc, nhưng mục đích chính của Pháp vẫn là nhằm đào tạo những tay sai phục vụ cho chế độ thực dân, truyền bá văn hoá mẫu quốc đến các dân tộc của nước thuộc địa. Những cải cách giáo dục này đã giúp các dân tộc thiểu số Nam Kỳ tiếp cận với nền giáo dục mới, nền giáo dục Pháp - Việt.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bài báo đã trình bày sơ lược về cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc, qua đó chỉ ra những đặc trưng cơ bản của từng tộc người khi sống ở Nam kỳ, về điều kiện lịch sử, xã hội cũng như chính sách giáo dục của chính quyền phong kiến cũng như của Pháp đối với các dân tộc thiểu số.

Bài báo đã phục dựng bối cảnh của việc áp đặt mô hình giáo dục mới và chính sách giáo dục của Pháp đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ giai đoạn 1862 -1945, đó là sự ra đời hệ thống các trường, lớp, quá trình bồi dưỡng giáo viên và việc tổ chức hoạt động của hệ thống trường học.

Bài báo đã có những đánh giá mới, khách quan, khoa học, nhất là hệ quả tích cực của chính sách giáo dục Pháp với các dân tộc thiểu số.

THẢO LUẬN

Trên cơ sở nội dung nghiên cứu đã giải quyết, bài báo còn đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục thảo luận như: Chính sách giáo dục Pháp trong tổng thể chính sách kinh tế - xã hội đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ như thế nào? Ngoài chính sách giáo dục với các dân tộc có dân số lớn, chính sách giáo dục của Pháp với

Bảng 1: Trường và số lượng học sinh dân tộc thiểu số miền Đông Nam Kỳ, năm 1931.

Tên trường	Dân tộc	1929	1930	
- Trường nội trú Hớn Quản (Thủ Dầu Một)	Mọi	40	39	Hai trường nội trú mới sắp khai trương tại tỉnh Biên Hòa.
- Trường nội trú Võ Dật (Biên Hòa)	Mọi	49	45	
- Trường nội trú Phú Riềng (Biên Hòa)	Cămpuchia và Mọi	29	28	
Tổng số		118	116	

Nguồn: Exposition Coloniale Internationale Paris – 1931, Indochine Française (1931), La Pénétration Scolaire dans les Minorités Ethniques, Imprimerie D'Extrême – Orien, Ha Noi, trang 9.

với các dân có số dân ít, ở các vùng xa xôi hẻo lánh hơn? Đồng thời, chỉ ra những tác động của chính sách giáo dục Pháp – Việt đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ. So sánh chính sách giáo dục của Pháp với các dân tộc thiểu số Nam Kỳ với các khu vực khác như tây Nguyên, Tây bắc... Đánh giá khách quan về những hệ quả tích cực.

KẾT LUẬN

Trong thời kỳ thống trị ở Việt Nam, Thực dân Pháp đã có chính sách thay đổi hệ thống giáo dục ở Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng. Thực dân Pháp đã chú ý đến chính sách giáo dục đối với các dân tộc thiểu số như Khmer, Hoa, Chăm và các dân tộc khác. Bước đầu con em các dân tộc thiểu số đã được tiếp cận với giáo dục mới. Tuy nhiên, vì mục đích giáo dục của Pháp là nhằm đào tạo những người phục vụ cho chế độ thực dân, truyền bá văn hoá mẫu quốc đến các dân tộc thuộc địa, nên việc thực dân Pháp đầu tư trường lớp cho con em các dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Thực dân Pháp chỉ tập trung ưu tiên cho dân tộc Hoa ở vùng thành thị, còn các dân tộc còn lại ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa thì ít quan tâm. Ở các khu vực có trường được mở ra thì với số lượng trường cũng như số lượng học sinh dân tộc thiểu số đi học còn rất ít ỏi. Số học sinh ở những bậc học cao giảm dần do chính sách giáo dục hạn chế của Pháp. Thông qua nền giáo dục nô dịch, Pháp chỉ muốn đào tạo một lớp người chỉ biết phục tùng cho chính quyền thuộc địa. Thái độ của chính quyền thuộc địa đối với các dân tộc thiểu số nói chung và với con em họ nói riêng vẫn còn có tính miệt thị thể hiện ở tên gọi và những phân biệt đối xử trong đầu tư cho giáo dục. Đa phần các con em dân tộc thiểu số còn thất học.

Bên cạnh những mặt hạn chế, chúng ta không thể phủ nhận những kết quả tích cực về mặt giáo dục mà người Pháp để lại ở Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng. Với nền giáo dục mới Pháp – Việt đã làm thay đổi về cách dạy và học truyền thống tồn tại ở nước ta một thời gian dài. Học sinh đã dần dần thay đổi cách tư duy và thấy được những hạn chế về những

kiến thức khuôn mẫu có sẵn trong sách từ hàng ngàn năm trước. Du nhập thêm những tư tưởng mới và tiến bộ của Phương Tây vào. Chữ Hán dần dần bị xoá bỏ và được thay bằng chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Tiếng Pháp là ngôn ngữ chính trong học đường đã từng bước trở thành phương tiện chính để học sinh tiếp cận trực tiếp với các hệ tư tưởng tiến bộ, những giá trị mới về tự do, bình đẳng, bác ái, dân chủ... góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng giao thoa với các nền văn hóa phương Tây và thế giới.

Chương trình giáo dục mới có sự quy định cụ thể về bậc học, nội dung học tập có sự kết hợp giữa tự nhiên và xã hội... đã giúp học sinh tiếp thu được những kiến thức tiến bộ mà giáo dục Pháp – Việt để lại. Đặc biệt, chương trình giáo dục mới đã xây dựng được hệ thống các trường dạy nghề, tạo cơ hội cho học sinh có nhiều cơ hội để chọn lựa nghề nghiệp cho tương lai của mình. Mặc dù, số trường và số người dân thiểu số đi học còn ít, nhưng phần nào đã góp phần giải quyết phần nào nạn mù chữ trong con em dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ.

Như vậy, chính sách giáo dục của Pháp ở Nam Kỳ nói chung và đối với các dân tộc thiểu số nói riêng đã có những mặt tích cực và hạn chế nhất định. Nền giáo dục Nho học đã khép lại để mở ra một trang sử mới trong hệ thống giáo dục Nam Kỳ đó là nền giáo dục Pháp – Việt. Với nền giáo dục này đã giúp các dân tộc thiểu số có thể tiếp cận với khoa học tự nhiên và những tư duy mới tiến bộ của các nền văn minh trên thế giới. Tuy nhiên, số lượng học sinh dân tộc thiểu số đi học còn chưa nhiều nên việc tiếp cận với nền giáo dục mới còn hạn chế. Phần lớn trẻ em nói chung và trẻ em các dân tộc thiểu số Nam Kỳ nói riêng vẫn chưa được đến trường để thụ hưởng nền giáo dục mà Thực dân Pháp đã áp đặt ở vùng đất này.

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình hoàn thành bài báo, tác giả xin cảm ơn sự giúp đỡ của Trung tâm lưu trữ quốc gia TW II, Thư viện Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Thư viện KHXH TP. Hồ Chí Minh, Thư viện Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TP.HCM, Ban Biên tập Tạp

chí Phát triển Khoa học và Công Nghệ Đại học Quốc Gia TP. HCM... đã cung cấp tư liệu, góp ý và chỉnh sửa để bài báo được hoàn thiện hơn.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Trong quá trình hoàn thành bài báo này, tác giả đã sưu tầm, tập hợp và nghiên cứu những nguồn tài liệu liên quan đến nội dung đề tài bài báo trong các trung tâm lưu trữ, thư viện, trong các sách, tạp chí, hội thảo. Tác giả đã lựa chọn các tài liệu có độ tin cậy cao bằng Tiếng Việt và tiếng Pháp, so sánh các nguồn tài liệu, chọn lọc để nghiên cứu và trích dẫn. Đây là công trình nghiên cứu của chính tác giả, nguồn tài liệu kế thừa của các tác giả đi trước đều có dẫn nguồn rõ ràng.

Bài báo góp có những đóng góp sau đây: Trình bày bức tranh về các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ trong thời Pháp thuộc về vùng đất và quá trình định hình tộc người, dân số, điều kiện lịch sử, văn hóa của các dân tộc thiểu số Nam Kỳ khi tiếp nhận giáo dục của Pháp. Bài báo cũng đã trình bày bối cảnh của việc áp đặt mô hình giáo dục mới của thực dân Pháp và chính sách giáo dục của Pháp đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ giai đoạn 1862 - 1945. Bài báo đã phục dựng lại quá trình ra đời hệ thống các trường, lớp và việc tổ

chức hoạt động của hệ thống trường học với các số liệu mới. Và một đóng góp nữa là, bài báo đã đưa ra những nhận xét, đánh giá với tinh thần khách quan, khoa học về những tích cực, hạn chế của chính sách giáo dục của Pháp đối với các dân tộc thiểu số ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc giai đoạn 1862 - 1945.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Sử quán Triều Nguyễn. Minh Mạng Chính yếu. Sài Gòn: Ủy ban dịch thuật. 1974;p. 166.
2. Quốc Sử quán Triều Nguyễn. Đại Nam Thực lục. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục. 2002;1:72.
3. Trường NM. Chính sách đối với dân tộc thiểu số của nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến 1884). TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Khoa học xã hội. 2017;p. 438-495.
4. Quốc Sử quán Triều Nguyễn. Đại Nam Thực lục. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục. 2002;8:28-29.
5. Trung tâm lưu trữ Quốc gia I. Giáo dục Việt Nam thời kỳ thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông. 2016;p. 22-1208.
6. Nguyễn Đăng Tiến (Chủ biên). Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8-1945. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo Dục. v;p. 198-336.
7. Aymonier EF, Roucoules E. Lại Như Bằng dịch và chú giải. Chính sách giáo dục tại Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới. 2018;p. 194-195.
8. Exposition Coloniale Internationale Paris - 1931: Indochine Francaise. La Pénétration Scolaire dans les Minorités Ethniques. Hà Nội: Imprimerie D'Extrême - Orien. 1931;p. 5-21.
9. Báu PT. Giáo dục Việt Nam thời cận đại. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo Dục. 2006;p. 131-133.
10. Hường PN. Giáo dục của người Hoa tại Sài Gòn - Chợ lớn giai đoạn 1900 - 1954. Tạp chí Khoa học Xã hội, Số , TP Hồ Chí Minh. 2018;(9):60-69.

Education of French Colonialists with Ethnic Minorities in Cochinchine in the period 1862-1945

Ngo Thi Minh Hang*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

In the beginning of the article, we presented the picture of ethnic minorities in Cochinchina and the educational policy of the Nguyen Dynasty to ethnic minorities in Cochinchine before the French colonial invasion as well as the process of invasion and process of imposing a new educational model of French colonialists in Cochinchina. In the main content, the author presents educational policies in general and French policies for ethnic minorities in Cochinchine in particular, expressed in documents and decrees of colonial authorities on goals, manner and measures to be taken. The article also reorganized the implementation of French educational policies in practice for the ethnic minority areas in Cochinchine during the French colonial period, such as the opening of schools, classes, and the process of organizing activities of the French school system, class and results achieved in areas with a large ethnic minority population. The author made the comments and assessments about the results and limitations of the educational policy for ethnic minorities of the French colonialists in Cochinchina from 1862 to 1945.

Key words: Cochinchina, French Education Policy, Ethnic Minority

Ho Chi Minh City University of Law,
Vietnam

Correspondence

Ngo Thi Minh Hang, Ho Chi Minh City
University of Law, Vietnam

Email: minhhang229@gmail.com

History

- Received: 11/04/2020
- Accepted: 03/12/2020
- Published: 20/12/2020

DOI :10.32508/stdjssh.v4i4.605



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Hang NT M. **Education of French Colonialists with Ethnic Minorities in Cochinchine in the period 1862-1945.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*, 4(4):585-595.